

Bản án số: 133/2019/HS-PT

Ngày: 24 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Khánh Hồng

Bà Nguyễn Thị Lan Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 91/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019, do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P đối với bản án hình sự sơ thẩm số 241/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị H, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 23/8/1966; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 17, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: Tổ 11, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kinh doanh tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th (đã chết) và bà Vũ Thị Ch; có chồng là Nguyễn Văn Tr (đã ly hôn); có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giam từ ngày 25/12/2018 đến ngày 25/01/2019; có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Văn P, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08/10/1958; Nơi đăng ký HKTT: Thôn BS, xã VP, thành phố TB, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Công nhân nghỉ hưu (là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 30/01/2019); Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn Ph và bà Phạm Thị T; có vợ là Lương Thị T1; có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, trước đó bị tạm giam từ ngày 25/12/2018 đến ngày 17/01/2019; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa do các bị cáo mời:

1. Ông Lê Huy Q.

2. Bà Lưu Thị Kiều T.

Luật sư Công ty Luật hợp danh TL, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H, (các Luật sư có mặt).

3. Ông Nguyễn Văn H1, Luật sư Công ty Luật TNHH TT, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, bào chữa cho bị cáo Trịnh Văn P. (có mặt).

Trong vụ án này còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị M và chị Trần Thị Tố O không có kháng cáo, không bị kháng nghị, vắng mặt do Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 21 giờ 30 phút ngày 25/12/2018, tổ công tác của Đội cảnh sát hình sự Công an thành phố Thái Nguyên đang làm nhiệm vụ tuần tra, phòng chống tội phạm tại khu vực phường ĐQ, TP TN thì nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại nhà nghỉ, tầm quất 55555, thuộc tổ 11, phường ĐQ, TP TN do Nguyễn Thị H (sinh năm 1966, trú tại tổ 11, phường ĐQ, TP TN) làm chủ đang diễn ra hoạt động chứa mại dâm. Tổ công tác đã phối hợp cùng Công an phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên tiến hành kiểm tra, phát hiện tại phòng nghỉ số 201 của nhà nghỉ 55555 do H làm chủ có một đôi nam, nữ là Vi Cao M (sinh năm 1995, trú tại: xóm NT, xã QT, TP TN) và Trần Thị M (sinh năm 1988, trú tại: xóm KR, xã P, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên) đang thực hiện hành vi mua, bán dâm (quan hệ tình dục); tại phòng số 202 của nhà nghỉ 55555, có một đôi nam nữ là Phạm Hồng H1 (sinh năm 1998, trú tại: xóm ĐN, xã CG, huyện DT, tỉnh Hà Nam) và Trần Thị Tố O (sinh năm 1985, trú tại tổ 5, phường QT, TP TN) đang dùng miệng để quan hệ tình dục. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị H, Trịnh Văn P và tạm giữ các vật chứng liên quan gồm có: 01 lõi bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Romantic Rose, đã qua sử dụng; 01 hộp bao cao su nhãn hiệu one touch comdoms, chưa qua sử dụng; 01 bao cao su nhãn hiệu one touch comdoms, chưa qua sử dụng; 1.000.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Do Trịnh Văn P giao nộp là số tiền do M và H1 trả để mua dâm). Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nhà nghỉ 55555 đã phát hiện thu giữ 04 bao cao su nhãn hiệu one touch comdoms, chưa qua sử dụng tại góc bên phải của quầy lễ tân; 03 bao cao su nhãn hiệu Romax, vỏ màu vàng, chưa qua sử dụng thu giữ tại phía trong bàn quầy lễ tân của nhà nghỉ 55555.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H, Trịnh Văn P, Vi Cao M, Phạm Hồng H1, Trần Thị M, Trần Thị Tố O khai nhận như sau: Vào tháng 8/2018 Nguyễn Thị H thuê lại nhà nghỉ 55555 của ông Nguyễn Đình K (sinh năm 1952, trú tại tổ 11, phường ĐQ, TP TN) để kinh doanh hoạt động nhà nghỉ, tầm quất và tổ chức chứa mại dâm. H đã thuê nhân viên là Trần Thị M và Trần Thị Tố O để khi có khách đến có nhu cầu mua dâm thì H gọi cho hai nhân viên đến bán dâm tại nhà nghỉ 55555, H sẽ thu của khách số tiền 500.000đ, H thỏa thuận với M và O sẽ

trả cho mỗi người 200.000đ tiền công trên một lần bán dâm cho khách, phần còn lại H được hưởng, M và O đều đồng ý

Khoảng 17 giờ ngày 24/12/2018, Trịnh Văn P là bạn trai của H có đến nhà nghỉ 55555 để chơi và ở lại nhà nghỉ. Khoảng 20 giờ ngày 25/12/2018, H đi gọi đầu, nhờ P trông coi và quản lý nhà nghỉ 55555 cho H, P đồng ý. Đến 21 giờ 00 phút ngày 25/12/2018 có Vi Cao M và Phạm Hồng H1 đến nhà nghỉ 55555, cả hai gặp P và bảo cho 02 vé mua dâm, P hỏi cả hai đã đến đây chơi lần nào chưa, thì M trả lời đã đến đây để chơi (tức mua dâm) một lần rồi, sau đó P bảo M và H1 ngồi đợi còn P gọi điện thoại cho H bảo có khách đến mua dâm giá 500.000đ một người một lượt. H đồng ý và bảo cho khách lên phòng trước tắm giặt để chờ nhân viên đến. Sau đó H đã yêu cầu Trần Thị M và Trần Thị Tố O đến nhà nghỉ 55555 để bán dâm cho khách, cả hai đồng ý. Khi thấy gái bán dâm đến, M và Hà mỗi người đưa cho P 500.000đ, O hỏi P có bao cao su không, P lấy cho O 02 chiếc bao cao su ở trên quầy lễ tân. P chỉ dẫn Vi Cao M và Trần Thị M lên phòng 201 còn Phạm Hồng H1 và Trần Thị Tố O lên phòng số 202 của nhà nghỉ để mua bán dâm. Khi các đôi nam nữ đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị Tổ công tác của Công an thành phố Thái Nguyên phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên. P đã tự nguyện giao nộp cho tổ công tác số tiền 1.000.000đ là tiền M và Hà mua dâm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 241/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P phạm tội: “Chứa mại dâm”;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Thị H 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 25/12/2018 đến ngày 25/01/2019.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt Trịnh Văn P 54 (năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 25/12/2018 đến ngày 17/01/2019.

Áp dụng khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và phạt bị cáo Trịnh Văn P 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 04/6/2019 bị cáo Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo đề nghị xem xét các tình tiết có lợi cho bị cáo; Ngày 26/6/2019 bị cáo H kháng cáo bổ sung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Ngày 05/6/2019 bị cáo Trịnh Văn P kháng cáo kêu oan; Ngày 05/8/2019 bị cáo P có đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị xem xét hành vi phạm tội của bị cáo chỉ phạm tội: “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự. Đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bị cáo đã khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã nêu, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của các bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tội danh, hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Chứa mại dâm” quy định tại Điều 327 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử các bị cáo theo khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự là chưa chính xác và có phần nghiêm khắc bởi vì Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có văn bản hướng dẫn dưới luật mà vẫn căn cứ vào Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào tiết b, mục 4.2 Điều 4 của Nghị quyết, đối chiếu với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì thấy: Hành vi của Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P thực hiện thuộc trường hợp: *Chứa mại dâm nhiều người (một nhóm) cùng đến mua bán dâm, nhưng chỉ một người trong số họ hoặc một số người trong số họ hoặc tất cả họ cùng nhau thỏa thuận đứng ra giao dịch với người chứa mại dâm để trả tiền thuê địa điểm, phương tiện một lần và việc mua bán dâm diễn ra trong cùng một khoảng thời gian.*

Từ những phân tích trên đây, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 24 đến 30 tháng tù. Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn P từ 15 đến 18 tháng tù.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P: Luật sư đồng ý với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với bị cáo H, hiện tại hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình. Bị cáo P có nhân thân tốt, trong vụ án này bị cáo tham gia đồng phạm với vai trò thứ yếu, trong quá trình công tác có nhiều thành tích được Nhà nước ghi nhận. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (điểm s, v khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo P); Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo không tranh luận với kết luận của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P làm trong hạn luật định và đúng theo thủ tục quy định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, đối chiếu với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hồi 21 giờ 30 phút ngày 25/12/2018, tại nhà nghỉ tắm quất 55555, thuộc tổ 11, phường ĐQ, TP TN, Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P đã có hành vi cho Vi Cao M mua dâm Trần Thị M tại phòng nghỉ số 201 và Phạm Hồng Hà mua dâm Trần Thị Tố O tại phòng nghỉ số 202 của nhà nghỉ do H quản lý thì bị tổ công tác của Đội cảnh sát Hình sự Công an thành phố Thái Nguyên phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng có liên quan.

Do đó các bị cáo Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. *Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đạo đức xã hội, nếp sống văn minh, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, là nguyên nhân phát sinh, lây truyền các căn bệnh nguy hiểm như HIV/AIDS, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Trong vụ án này, bị cáo H tham gia với vai trò chủ mưu và trực tiếp thực hiện tội phạm; bị cáo P tham gia với vai trò là người giúp sức tích cực.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, vai trò, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có bố đẻ được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, tuy nhiên không có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, đồng thời không có căn cứ áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn P đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Khoảng 21 giờ ngày 25/12/2018, Vi Cao M và Phạm Hồng H1 đến nhà nghỉ 55555 ở tổ 11, phường ĐQ, TP TN do Nguyễn Thị H làm chủ để tìm gái bán dâm để M và H1 mua dâm. Khi M và Hà đến nơi gặp Trịnh Văn P, M và H1 đã đặt vấn đề với P cho 02 vé mua dâm, P đồng ý, sau đó P gọi điện cho H nói là có 02 khách đến mua dâm để H gọi điện cho Trần Thị M và Trần Thị Tố O đến để bán dâm cho M và H1, sau đó P thu của M 500.000đ, thu của Hà 500.000đ. Sau khi thu tiền P hướng dẫn Vi Cao M và Trần Thị M lên phòng 201; Phạm Hồng H1 và Trần Thị Tố O lên phòng 202 để thực hiện việc mua bán dâm, sau đó bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang.

Theo hướng dẫn tại tiết b, tiểu mục 4.1, mục 4 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, quy định như sau: Chỉ áp dụng tình tiết “*phạm tội nhiều lần*” đối với người chứa mại dâm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) ...

b) *Chứa mại dâm hai đôi mua bán dâm trở lên độc lập với nhau trong cùng một khoảng thời gian;*.

Như vậy Trịnh Văn P và Nguyễn Thị H đã có hành vi chứa mại dâm đối với 02 đôi nam nữ độc lập với nhau trong cùng một khoảng thời gian.

Với hành vi trên cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “chứa mại dâm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo P là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò thứ yếu, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án 54 tháng tù là có phần nghiêm khắc, vì vậy xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo của Đại diện Viện kiểm sát và của các Luật sư. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn P; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của bị cáo P được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 241/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn P. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 241/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, giảm hình phạt cho bị cáo Trịnh Văn P; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H và Trịnh Văn P phạm tội: “*Chứa mại dâm*”.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Thị H 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 25/12/2018 đến ngày 25/01/2019.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt Trịnh Văn P 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành bản án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 25/12/2018 đến ngày 17/01/2019.

3. Áp dụng khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự; Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị H 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và phạt bị cáo Trịnh Văn P 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trịnh Văn P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số 241/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh TN;
- TAND, VKSND TPTN;
- Chi cục THADS TPTN;
- Bị cáo; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đặng M Tuân